**TRƯỜNG THCS THẠCH BÀN**

**MỤC TIÊU - MA TRẬN**

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II. NĂM HỌC 2022-2023

**Môn: CÔNG NGHỆ 7**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra học sinh kiến thức về chăn nuôi.

**2. Năng lực:**

- NL chung: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề.

- NL chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ công nghệ, NL giải quyết vấn đề thông qua môn công nghệ.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, tự giác, trung thực, yêu thích môn học.

**II. MA TRẬN ĐỀ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | **TỔNG** |
| **NB** | | **TH** | | **VD** | | **VDC** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| *1. Giới thiệu về chăn nuôi.* | **5**  **1,25** |  | **4**  **1,0** |  | 2  0,5 |  | **2**  **0,5** |  | **13**  **3,25** |
| *2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.* | **1**  **0,25** |  | **3**  **0,75** |  |  |  |  |  | **4**  **1,0** |
| *3. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi.* | **2**  **0,5** | **1**  **1,0** | **2**  **0,5** |  |  | **1**  **1,5** | **2**  **0,5** |  | **6**  **3,5** |
| *4. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ* | **4**  **1,0** |  | **1**  **0,25** | **1**  **0,5** |  |  |  |  | **8**  **2,25** |
| **Số câu** | **12** | **1** | **10** | **1** | **2** | **1** | **4** |  | **31** |
| **Tỉ lệ %** | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **100** |
| **Tổng** | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **100** |

**III. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ 701**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi** | **Nhận biết** | - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, vai trò của 1 số vật nuôi phổ biến.  - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. | 5  (C1,2,3,6,7) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Xác định được các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  | 4  (C13,14,  23,24) |  |  |
| **Vận dụng** | - Đưa ra ý kiến bản thân đúng hay sai về quan điểm chất thải chăn nuôi là nguồn tài nguyên có giá trị. |  |  | 2  (C16,19) | 2  (C4,5) |
| **Bài 10: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | **Nhận biết:** | – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống,vật nuôi cái sinh sản. | 1  (C12) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Trình bày các biện pháp và tác dụng khi nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non. |  | 3  (C8,9,17) |  |  |
| **Bài 11: Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | **Nhận biết:** | – Nêu được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Nhận biết các nhóm tác nhân gây bệnh cho vật nuôi | 2  (C10,11)  1( C1 TL) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | – Trình bày được kĩ thuật phòng và trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. |  | 2  (C26,15) |  |  |
| **Vận dụng** | Áp dụng vào thực tế chăn nuôi gia đình phòng và trị bệnh thú cưng (Chó, Mèo), chăn nuôi sản xuất ( Lợn, bò, gà, vịt...) |  |  | 1( C2 TL) | 2 (C20, 27) |
| **Bài 12:**  **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | **Nhận biết:** | - Nêu được kĩ thuật làm chuồng nuôi khi nuôi gà trong nông hộ. | 4(C21,22,25,28) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Xác định được giá trị dinh dưỡng trong chăn nuôi gà phù hợp cho từng giai đoạn. |  | 1(C18)  1( C3TL) |  |  |
| **Tổng số câu** |  |  | 13 | 11 | 3 | 4 |

**ĐỀ 702**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi** | **Nhận biết** | - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, vai trò của 1 số vật nuôi phổ biến.  - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. | 5  (C1,2,3,6,7) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Xác định được các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  | 4  (C13,14,  23,24) |  |  |
| **Vận dụng** | - Đưa ra ý kiến bản thân đúng hay sai về quan điểm chất thải chăn nuôi là nguồn tài nguyên có giá trị. |  |  | 2  (C16,19) | 2  (C4,5) |
| **Bài 10: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | **Nhận biết:** | – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống,vật nuôi cái sinh sản. | 1  (C12) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Trình bày các biện pháp và tác dụng khi nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non. |  | 3  (C8,9,17) |  |  |
| **Bài 11: Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | **Nhận biết:** | – Nêu được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Nhận biết các nhóm tác nhân gây bệnh cho vật nuôi | 2  (C10,11)  1( C1 TL) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | – Trình bày được kĩ thuật phòng và trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. |  | 2  (C26,15) |  |  |
| **Vận dụng** | Áp dụng vào thực tế chăn nuôi gia đình phòng và trị bệnh thú cưng (Chó, Mèo), chăn nuôi sản xuất ( Lợn, bò, gà, vịt...) |  |  | 1( C2 TL) | 2 (C20, 27) |
| **Bài 12:**  **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | **Nhận biết:** | - Nêu được kĩ thuật làm chuồng nuôi khi nuôi gà trong nông hộ. | 4(C21,22,25,28) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Xác định được giá trị dinh dưỡng trong chăn nuôi gà phù hợp cho từng giai đoạn. |  | 1(C18)  1( C3TL) |  |  |
| **Tổng số câu** |  |  | 13 | 11 | 3 | 4 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **TTCM duyệt** | **Nhóm trưởng duyệt** | **Người ra đề** |
|  | **Đào T. Thanh Loan** | **Nguyễn Ngọc Ánh** | **Nguyễn Ngọc Ánh** |